Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-22 10:47:48 +07:00

THANH TRA CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2026/TT-TTCP

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ
Quy định Khung tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14, Luật số 81/2025/QH15 và Luật số 132/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 và Nghị định số 184/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 109/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư quy định Khung tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định Khung tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ (sau đây gọi chung là Khung tiêu chí) được quy định tại Điều 6 Nghị định số 184/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ (sau đây gọi chung là Nghị định số 184/2026/NĐ-CP).

2. Thông tư này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Khung tiêu chí* là hệ thống các nguyên tắc, mục tiêu, yêu cầu, thang điểm theo các nhóm tiêu chí, phương pháp chấm điểm, xếp loại kết quả, nguồn thông tin, dữ liệu, tổ chức đánh giá, rà soát, kiểm tra kết quả đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật, được áp dụng thống nhất làm căn cứ để bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

2. *Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ* (sau đây gọi chung là Bộ tiêu chí) là hệ thống các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần, thang điểm, điểm đánh giá thành phần, phương pháp chấm điểm, trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại và thông tin, dữ liệu kiểm chứng để đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý theo Khung tiêu chí quy định tại Thông tư này.

3. *Đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình* là việc cấp có thẩm quyền xem xét, đối chiếu, nhận định, chấm điểm và xếp loại mức độ thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo các tiêu chí đánh giá tại Bộ tiêu chí do các bộ, cơ quan ngang bộ ban hành.

Chương II
KHUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

Điều 3. Nguyên tắc, mục tiêu, yêu cầu đánh giá

1. Nguyên tắc đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình

a) Bảo đảm chính xác, khách quan, kịp thời, công khai, minh bạch và đúng quy định pháp luật.

b) Kết hợp giữa đánh giá định lượng với định tính, ưu tiên các tiêu chí đo lường bằng số liệu cụ thể.

2. Mục tiêu đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình

a) Đo lường, xếp loại mức độ thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

b) Phòng ngừa lợi dụng thực hiện nhiệm vụ, công vụ để vụ lợi, gây khó khăn, phiền hà, nhũng nhiễu hoặc đùn đẩy, né tránh, sợ trách nhiệm của cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

c) Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, thanh tra, kiểm tra công vụ, quản lý, sử dụng, đánh giá, xếp loại cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

d) Xây dựng văn hóa giải trình trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; nâng cao trách nhiệm nêu gương, tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của cá nhân; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hiệu lực, hiệu

quả quản lý nhà nước.

3. Yêu cầu của việc đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình

a) Bảo đảm đúng đối tượng, thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định.

b) Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

c) Bảo đảm tính chính xác của số liệu, tài liệu, kết quả đánh giá.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quá trình đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình.

Điều 4. Thang điểm theo các nhóm tiêu chí đánh giá

1. Thang điểm đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình theo các nhóm tiêu chí là 100 điểm, cụ thể như sau:

a) Tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của việc thực hiện giải trình được chấm tối đa 30 điểm;

b) Mức độ tuân thủ trình tự, thủ tục giải trình được chấm tối đa 20 điểm;

c) Mức độ công khai, minh bạch trong giải trình được chấm tối đa 15 điểm;

d) Mức độ đáp ứng yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải trình được chấm tối đa 25 điểm;

đ) Việc xử lý vi phạm trong thực hiện trách nhiệm giải trình được chấm tối đa 10 điểm.

2. Căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định cụ thể các tiêu chí thành phần, điểm đánh giá thành phần trong từng nhóm tiêu chí để áp dụng thống nhất trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực.

Điều 5. Phương pháp chấm điểm

Việc chấm điểm đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình theo từng vụ việc, yêu cầu giải trình như sau:

1. Phương pháp chấm điểm đối với tiêu chí thành phần

a) Đối với tiêu chí định lượng

$$\text{Điểm đánh giá thành phần} = \frac{A}{B} \times C$$

Trong đó:

A: Số liệu đã giải trình thực tế (được thể hiện trong hồ sơ, tài liệu giải trình).

B: Số liệu phải giải trình (được thể hiện theo quy định của pháp luật đối với tiêu chí và theo yêu cầu, nội dung phải giải trình).

C: Điểm tối đa của tiêu chí thành phần.

b) Đối với tiêu chí định tính được chấm điểm theo mức độ đáp ứng yêu cầu của tiêu chí. Trường hợp đáp ứng đầy đủ yêu cầu được tính điểm tối đa; trường

hợp đáp ứng một phần yêu cầu được tính điểm tương ứng với mức độ đáp ứng; trường hợp không đáp ứng yêu cầu thì không được tính điểm.

2. Điểm đánh giá theo nhóm tiêu chí bằng tổng điểm đánh giá thành phần.

3. Điểm đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình bằng tổng điểm đánh giá của các nhóm tiêu chí.

Điều 6. Xếp loại kết quả đánh giá

1. Việc xếp loại kết quả đánh giá đối với từng vụ việc, yêu cầu giải trình được đánh giá như sau:

a) Điểm đánh giá từ 50 điểm trở lên theo Bộ tiêu chí thì được xếp loại là "Đạt";

b) Điểm đánh giá dưới 50 điểm theo Bộ tiêu chí thì được xếp loại là "Không đạt".

2. Việc xếp loại kết quả đánh giá trong năm đối với bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được đánh giá như sau:

a) Số vụ việc, yêu cầu đã giải trình trong năm ở mức "Đạt" trên 80% so với tổng số vụ việc, yêu cầu phải giải trình trong năm thì xếp loại ở mức "Thực hiện tốt";

b) Số vụ việc, yêu cầu đã giải trình trong năm ở mức "Đạt" từ 50% đến 80% so với tổng số vụ việc, yêu cầu phải giải trình trong năm thì xếp loại ở mức "Đạt yêu cầu";

c) Số vụ việc, yêu cầu đã giải trình trong năm ở mức "Đạt" dưới 50% so với tổng số vụ việc, yêu cầu phải giải trình trong năm thì xếp loại ở mức "Không đạt yêu cầu".

3. Kết quả xếp loại đánh giá trong năm là một trong những căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân và phục vụ công tác phòng, chống tham nhũng.

Điều 7. Nguồn thông tin, dữ liệu phục vụ đánh giá

1. Văn bản giải trình của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có trách nhiệm giải trình.

2. Hồ sơ, tài liệu thực hiện nhiệm vụ, công vụ liên quan đến nội dung yêu cầu giải trình.

3. Ý kiến phản hồi của cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải trình.

4. Thông tin, dữ liệu có liên quan từ công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra, giám sát (nếu có).

5. Các nguồn thông tin, dữ liệu hợp pháp khác có liên quan.

Điều 8. Tổ chức đánh giá

1. Trước ngày 25 tháng 12 hằng năm, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch tổ chức đánh giá hiệu quả thực

hiện trách nhiệm giải trình của năm đánh giá; phân công nhiệm vụ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đầu mối trong việc tổ chức thực hiện, tổng hợp, rà soát, kiểm tra, báo cáo kết quả đánh giá.

Số liệu đánh giá từ ngày 15 tháng 12 của năm liền kề trước năm đánh giá đến hết ngày 14 tháng 12 của năm đánh giá.

2. Trước ngày 25 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ báo cáo số liệu đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình về Thanh tra Chính phủ, bảo đảm đầy đủ, chính xác, trung thực.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình kèm theo danh mục tài liệu kiểm chứng theo định dạng điện tử về Thanh tra Chính phủ.

3. Kết quả đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình hằng năm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được Thanh tra Chính phủ tổng hợp vào báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định.

Điều 9. Rà soát, kiểm tra kết quả đánh giá

1. Trên cơ sở kết quả báo cáo của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thanh tra Chính phủ rà soát, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi cả nước.

2. Trường hợp phát hiện kết quả đánh giá không chính xác, Thanh tra Chính phủ yêu cầu bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức đánh giá lại và gửi kết quả về Thanh tra Chính phủ để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

3. Trường hợp cần thiết hoặc sau khi đánh giá lại, nhận thấy kết quả đánh giá vẫn không chính xác thì Thanh tra Chính phủ trực tiếp kiểm tra theo quy định.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Căn cứ Khung tiêu chí quy định tại Thông tư này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí theo quy định. Việc ban hành Bộ tiêu chí hoàn thành trước ngày 15 tháng 9 năm 2026.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo áp dụng các Bộ tiêu chí của các bộ, cơ quan ngang bộ phù hợp với đặc thù ngành, lĩnh vực tại địa phương để triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Thanh tra Chính phủ để được hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA

Nguyễn Văn Cường